

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 790/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/5/2026  
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1037/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2439/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1993

Căn cước công dân số: 0791930...., cấp ngày 02/11/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Thường trú: Đường C, Khu phố N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1989

Căn cước công dân số: 0790....., cấp ngày 12/01/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú: Đường M, Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và Ông Nguyễn Thành L tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2 (nay là phường Cát Lái), Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng tại địa chỉ 36/10, Đường số 10, phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay từ khi về sống chung, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã không hạnh phúc vì Ông L ham chơi, cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo gia đình, Bà L có khuyến

nhũ thì Ông L cam kết sẽ thay đổi bản thân, tuy nhiên Ông L vẫn không thay đổi, Bà L phải gánh vác mọi việc trong gia đình và phải trả nợ thay cho Ông L, tình trạng này kéo dài cho đến khi Bà L quyết định chuyển đến sống cùng cha mẹ ruột của Bà L từ tháng 3/2024 và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay. Thời gian sống ly thân, Bà L không mong muốn hòa giải đoàn tụ vì tính tình của Ông L vẫn không thay đổi gì. Nay Bà L xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, Bà L không còn tình cảm gì với Ông L và cũng không mong muốn hòa giải, đoàn tụ. Do đó, Bà L yêu cầu được ly hôn với Ông L.

- Về con chung: Bà L và Ông L có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tuệ M, sinh ngày 25/10/2019. Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn Ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Bà Trần Thị Mỹ L có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án và xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với Ông L. Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Tuệ M, sinh ngày 25/10/2019, không yêu cầu Ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với Ông Nguyễn Thành L. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn Ông L hiện đang thực tế cư trú tại số 15/6, Đường 10, Khu phố 34, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (viết tắt là BLTTDS) thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn Bà L có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Bị đơn Ông L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông L.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Bà L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L và Ông Nguyễn Thành L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/10/2019 và được Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2019. Do đó, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa Bà L và Ông L là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét thấy, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, Bà L cương quyết yêu cầu được ly hôn với Ông L vì tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc. Đồng thời, hiện nay, Bà L và Ông L cư trú ở 02 nơi khác nhau, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Điều này cho thấy, vợ chồng Bà L, Ông L đã không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng giữa hai bên đã không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, mâu thuẫn giữa Bà L và Ông L đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà L.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ Trích lục khai sinh (bản sao) số 490/TLKS-BS ngày 23/12/2019 do Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Bà L và Ông L có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tuệ M, sinh ngày 25/10/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Minh còn nhỏ tuổi, đang được mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng, Ông L không có ý kiến, yêu cầu về việc nuôi con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà L, giao con chung cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà L không yêu cầu Ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 8, 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ L.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Trần Thị Mỹ L và Ông Nguyễn Thành L.

1.2 Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ L và Ông Nguyễn Thành L có 01 con chung tên Nguyễn Trần Tuệ M, sinh ngày 25/10/2019.

Giao con chung tên Nguyễn Trần Tuệ M cho Bà Trần Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Trần Thị Mỹ L không yêu cầu Ông Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ L xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0035415 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Mỹ L và Ông Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**